

Bản án số:48/2024/DS-ST

Ngày: 29/3/2024

V/v T/c Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Tư**.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Bảy
2. Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 09/01/2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Lệ E**, sinh năm 1963. Địa chỉ: **ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**. Địa chỉ: **ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 và lời trình bày của nguyên đơn bà **Ngô Thị Lệ E** trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì: Bà **Ngô Thị Lệ E** là hụi viên có tham gia 02 phần trong dây hụi mùa 1.000.000 đồng mở ngày 26/6/2022 âm lịch, có 18 phần do bà **Nguyễn Thị N** làm chủ hụi. Trong danh sách hụi ghi tên “Thím Điều”. Đóng hụi sống được 16 lần, còn 02 lần cuối bà **Lệ E** hốt chót được số tiền 32.000.000 đồng.

Bà **Lệ E** đồng ý khấu trừ phần hụi vụ 15.000.000 đồng và hụi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng, bà **N** phải trả cho bà 12.000.000 đồng. Trước đó, bà **N** có nợ tiền hụi mùa của bà **Lệ E** là 30.900.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà **Nguyễn Thị N** còn nợ bà **Ngô Thị Lệ E** số tiền 42.900.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình hòa giải ở **Ban N1, thị trấn K, huyện K** thì bà **N** thừa nhận còn nợ bà **Lệ E** 42.000.000 đồng và hứa trả trong 03 đợt. Do đó, bà **Lệ E** thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 42.000.000 đồng. Ngoài ra giữa bà và bà **N** không còn khoản nợ hụi nào khác.

- Bị đơn bà **Nguyễn Thị N** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà **Nguyễn Thị N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện thì bà **Ngô Thị Lệ E** yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** trả số tiền tổng cộng là 42.900.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay bà **Lệ E** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà **Nguyễn Thị N** trả cho bà số tiền 42.000.000 đồng theo sự thừa nhận của bà **N** tại buổi hòa giải cơ sở. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là do bà **Lệ E** tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà **Ngô Thị Lệ E** là hụi viên, còn bà **Nguyễn Thị N** là chủ hụi, có tham gia 02 phần trong dây hụi mùa 1.000.000 đồng mở ngày 26/6/2022 âm lịch, có 18 phần do bà **Nguyễn Thị N** làm chủ hụi. Trong danh sách hụi ghi tên “Thím Điều”. Đóng hụi sống được 16 lần, còn 02 lần cuối bà **Lệ E** hốt chót được số tiền 32.000.000 đồng. Bà **Lệ E** đồng ý khấu trừ phần hụi vụ 15.000.000 đồng và hụi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng, bà **N** phải trả cho bà 12.000.000 đồng. Trước đó, bà **N** có nợ tiền hụi mùa của bà **Lệ E** là 30.900.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà **Nguyễn Thị N** còn nợ bà **Ngô Thị Lệ E** số tiền 42.900.000 đồng, bà **Lệ E** yêu cầu bà **N** phải trả số tiền này cho bà.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị N, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia để trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Lệ E đối với hai dây hụi nêu trên. Tuy nhiên, theo nội dung biên bản hòa giải ngày 09/11/2023 của Tổ hòa giải ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và lời khai của ông Thạch Chanh Đ, tổ trưởng tổ hòa giải ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thì bà Nguyễn Thị N thừa nhận còn nợ bà Ngô Thị Lệ E số tiền 42.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Lệ E mỗi đợt 14.000.000 đồng vào các ngày 5/10/2023 âm lịch, ngày 05/01/2024 âm lịch và ngày 05/4/2024 âm lịch. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định bà N có nợ tiền hụi của bà Ngô Thị Lệ E số tiền tổng cộng là 42.000.000 đồng.

[5] Xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn, bị đơn do các bên tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, khi tham gia giao dịch các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên được công nhận là giao dịch hợp pháp. Trong quá trình chơi hụi, chủ hụi là bà Nguyễn Thị N là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ không giao tiền hụi đầy đủ cho nguyên đơn. Vì vậy, việc bà Lệ E yêu cầu bà N trả tiền hụi còn nợ cho bà là 42.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 18, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đối với số tiền 30.900.000 đồng mặc dù bà L em không nhớ rõ đây là khoản nợ của dây hụi nào nhưng bà chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 42.000.000 đồng và xác định giữa bà và bà N không còn có khoản nợ hụi nào khác, nên việc làm rõ số tiền 30.900.000 đồng là khoản nợ của dây hụi nào cũng không cần thiết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm chịu số tiền án phí là 42.000.000 đồng x 5% = 2.100.000 đồng.

[7] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, 351, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); các Điều 18, 23, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Ngô Thị Lệ E số tiền hui còn nợ là 42.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Ngô Thị Lệ E có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Ngô Thị Lệ E theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm chịu số tiền án phí là 2.100.000 đồng. Bà Ngô Thị Lệ E không phải chịu án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư

